

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG
SẢN LÀO CAI**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



**CÔNG TY CỔ
PHẦN KHAI
THÁC VÀ CHẾ
BIẾN KHOÁNG
SẢN LÀO CAI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ
BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI
DN: C=VN, S=TỈNH LÀO CAI,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI
THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG
SẢN LÀO CAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:5300208618
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023-03-30 16:07:38

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2002. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và tình hình tài chính riêng kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 24, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Số: 030/2023/BCKT-HT.00134

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/3/2023, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2022, Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty ghi nhận các khoản phải thu với tổng số tiền 34.700.111.111 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 35.056.333.332 đồng), bao gồm: (1) Phải thu về cho vay là 27.000.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 28.500.000.000 đồng) và (2) Phải thu tiền lãi cho vay là 7.700.111.111 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 6.556.333.332 đồng). Với các tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, Chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản Phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1673-2023-009-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.951.911.803	12.945.862.640
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	423.665.131	522.963.529
1. Tiền	111		423.665.131	522.963.529
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.332.716.731	12.382.899.381
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.477.882.771	3.803.571.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		467.605.620	358.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.700.111.111	11.859.899.380
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.312.882.771)	(3.638.571.048)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		195.529.941	39.999.730
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		195.529.941	39.999.730
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.220.013.711	208.790.723.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.000.000.000	28.500.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	27.000.000.000	28.500.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	-	-
- Nguyên giá	222		7.798.830.542	7.798.830.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.798.830.542)	(7.798.830.542)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	75.220.013.711	180.290.723.177
1. Đầu tư vào công ty con	251		171.000.000.000	171.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.150.000.000	24.050.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(119.929.986.289)	(14.759.276.823)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.171.925.514	221.736.585.817

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		3.269.518.761	3.135.778.315
I. Nợ ngắn hạn	310		3.269.518.761	3.135.778.315
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		35.000.000	147.068.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	-	192.402.645
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.8	431.545.116	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		6.666.667	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.902.406.753	218.600.807.502
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.9	112.902.406.753	218.600.807.502
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(141.367.312.890)	(35.668.912.141)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		(35.668.912.141)	(36.237.200.234)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(105.698.400.749)	568.288.093
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.171.925.514	221.736.585.817

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HOA

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HOA

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THẮNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2022	NĂM 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	-	150.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10= 01-02)	10		-	150.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	130.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		-	20.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.143.783.999	2.197.139.219
7. Chi phí tài chính	22	6.4	105.173.177.933	(2.097.126.105)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.196.989.194	2.023.883.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(105.226.383.128)	2.290.381.825
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	6.6	472.017.621	1.722.093.732
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(472.017.621)	(1.722.093.732)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(105.698.400.749)	568.288.093
15. Chi phí thuế TNDN	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(105.698.400.749)	568.288.093

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HOA

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HOA

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THẮNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2022	NĂM 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(105.698.400.749)	568.288.093
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
Các khoản dự phòng	03		104.845.021.189	(1.005.554.791)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.143.783.999)	(2.197.139.219)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.997.163.559)	(2.634.405.917)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		364.118.495	(264.068.413)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		133.740.446	(52.311.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(1.499.304.618)	(2.950.785.638)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(18.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.500.000.000	46.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	(24.050.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		6.220	5.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.400.006.220	3.450.005.887
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động TC				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(99.298.398)	499.220.249
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		522.963.529	23.743.280
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ QĐ ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	423.665.131	522.963.529

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

hu

hu



hu

NGUYỄN THỊ HOA

NGUYỄN THỊ HOA

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18/09/2002. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: hoạt động khai thác quặng kim loại quý hiếm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 12 người (tại ngày 31/12/2021 là 13 người)

Các Công ty con tại ngày 31/12/2022, bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty tại Công ty con		
		% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Hòa Bình	95%	95%	95%

Các Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31/12/2022, bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty tại Công ty liên kết		
		% vốn góp	% quyền biểu quyết	% lợi ích
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Bắc Giang	35%	35%	34,91%

1.6. Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| ▪ Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 năm |

4.6. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.7. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4.9. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.11. Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó. Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	422.684.230	520.347.495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	980.901	2.616.034
Cộng	<u>423.665.131</u>	<u>522.963.529</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	171.000.000.000	(119.909.251.543)	171.000.000.000	(14.738.542.077)
Cộng	171.000.000.000	(119.909.251.543)	171.000.000.000	(14.738.542.077)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Hợp tác xã Môi trường xanh Văn Sơn	24.150.000.000	(20.734.746)	24.050.000.000	(20.734.746)
Cộng	24.150.000.000	(20.734.746)	24.050.000.000	(20.734.746)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin về công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2022

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Thông tin về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2022	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Hợp tác xã Môi trường xanh Văn Sơn	Thôn Phe, xã Văn Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Gia Long - Hoà Bình	3.312.882.771	3.638.571.049
Các khoản phải thu khách hàng khác	165.000.000	165.000.000
Cộng	<u>3.477.882.771</u>	<u>3.803.571.049</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH Gia Long - Hoà Bình	3.312.882.771	3.638.571.049
Cộng	<u>3.312.882.771</u>	<u>3.638.571.049</u>

5.4. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nguyễn Thị Hoàng Thảo	9.000.000.000	10.000.000.000
Nguyễn Thị Tuyền	6.000.000.000	6.500.000.000
Phạm Thị Hương	7.000.000.000	7.000.000.000
Nguyễn Văn Phong	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>27.000.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>

(*) Phải thu cho vay là các khoản cho cá nhân vay không tài sản đảm bảo, lãi suất cố định theo từng lần cho vay với mức lãi suất từ 4%-6%/năm

5.5. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu người lao động	5.000.000.000	-	5.303.566.048	-
Phải thu về lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.700.111.111	-	6.556.333.332	-
Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	<u>12.700.111.111</u>	<u>-</u>	<u>11.859.899.380</u>	<u>-</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư 01/01/2022	4.225.532.029		2.518.692.880		963.104.633		91.501.000		7.798.830.542	
- Mua trong năm	-		-		-		-		-	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		-		-		-	
- Giảm khác	-		-		-		-		-	
Số dư 31/12/2022	4.225.532.029		2.518.692.880		963.104.633		91.501.000		7.798.830.542	
Giá trị đã hao mòn lũy kế										
Số dư 01/01/2022	4.225.532.029		2.518.692.880		963.104.633		91.501.000		7.798.830.542	
- Khấu hao trong năm	-		-		-		-		-	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		-		-		-	
- Giảm khác	-		-		-		-		-	
Số dư 31/12/2022	4.225.532.029		2.518.692.880		963.104.633		91.501.000		7.798.830.542	
Giá trị còn lại										
Tại ngày 01/01/2022	-		-		-		-		-	
Tại ngày 31/12/2022	-		-		-		-		-	

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.798.830.542 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2022</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp/điều chỉnh trong năm</u>	<u>31/12/2022</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	192.402.645	-	(192.402.645)	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	472.017.621	472.017.621	-
Cộng	<u>192.402.645</u>	<u>475.017.621</u>	<u>282.614.976</u>	<u>-</u>

5.8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán trích trước	404.700.000	-
Các khoản phải trả khác	26.845.116	-
Cộng	<u>431.545.116</u>	<u>-</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.9. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND				VND	VND	
Số dư đầu năm trước	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(36.237.200.234)	218.032.519.409		
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-		
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	568.288.093	568.288.093		
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-		
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-		
Số dư đầu năm nay	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(35.668.912.141)	218.600.807.502		
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-		
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-		
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-		
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(105.698.400.749)	(105.698.400.749)		
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-		
Số dư cuối năm nay	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(141.367.312.890)	112.902.406.753		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	246.330.000.000	246.330.000.000
Cộng	246.330.000.000	246.330.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
+ Cổ phiếu phổ thông	24.633.000	24.633.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	191	191
+ Cổ phiếu phổ thông	191	191
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	-	150.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>150.000.000</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	130.000.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>130.000.000</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.143.783.999	2.197.139.219
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	<u>1.143.783.999</u>	<u>2.197.139.219</u>

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	105.170.709.466	20.734.746
Chi phí tài chính khác	2.468.467	-
Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(2.117.860.851)
Cộng	<u>105.173.177.933</u>	<u>(2.097.126.105)</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	793.108.900	815.227.800
Chi phí dự phòng	-	1.091.571.314
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	675.860.806	108.500.445
Chi phí bằng tiền khác	50.707.766	8.583.940
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(325.688.278)	-
Cộng	<u>1.196.989.194</u>	<u>2.023.883.499</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	98.299.066	1.719.093.732
Các khoản khác	373.718.555	3.000.000
Cộng	<u>472.017.621</u>	<u>1.722.093.732</u>

6.7. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	793.108.900	815.227.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	675.860.806	108.500.445
Chi phí bằng tiền khác	53.707.766	8.583.941
Cộng	<u>1.522.677.472</u>	<u>932.312.186</u>

6.8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

<u>TT</u>	<u>Tên bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên quản lý chủ chốt
2	Ông Vũ Hoài Duy	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Công ty con
6	Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Công ty liên kết

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

<u>TT</u>	<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
	Tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp	252.000.000	309.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chuyển tiền góp vốn		
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	-	24.050.000.000
Cộng	-	24.050.000.000

7.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin về bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HOA

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HOA

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THẮNG